TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 169/2024/HS-PT
Ngày 21 – 3 – 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Đình Thanh

Các thẩm phán: Ông Đặng Văn Ý

Ông Nguyễn Văn Minh

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Phan Thanh Trúc – Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà*:** Ông Nguyễn Trí Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 650/2023/TLPT-HS ngày 30 tháng 8 năm 2023 đối với bị cáo Lê Văn B do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 353/2023/HS-ST ngày 66/7/2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị cáo có kháng cáo:* **Lê Văn B1** khác: **Sinh**), sinh năm 1959 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi thường trú: A N, Phường C, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: ấp S, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước; trình độ văn hóa (học vấn): 01/12; nghề nghiệp: Làm rẫy; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị N (đều đã chết); có vợ là Ngô Thị M (không đăng ký kết hôn) và 03 con, con lớn nhất sinh năm 1998, con nhỏ nhất sinh năm 2005; tiền sự: không;

Tiền án: Ngày 19/7/1988, bị Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xử 08 năm tù về tội "Cướp tài sản của công dân", chấp hành án xong ngày 03/8/1994.

Nhân thân: Ngày 06/10/1978, bị Công an quận B bắt về hành vi trộm cắp tài sản. Ngày 22/8/1984, bị Công an quận B bắt về hành vi bao che gái điếm (không rõ hình thức xử lý).

Bị cáo bị bắt, tạm giam ngày 08/7/2020, *(có mặt).*

Người bào chữa cho bị cáo Lê Văn B: Ông Biện Ngọc Q – Luật sư làm việc tại Văn phòng L1, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H, *(có mặt).*

- *Những người làm chứng:*

1. Ông Nguyễn Quốc H1, sinh năm 1967; trú tại: Số H N, Phường C, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, *(vắng mặt).*

2. Ông Nguyễn Ái Q1, sinh năm 1965; trú tại: Số H N, Phường C, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, *(vắng mặt).*

3. Bà Ngô Lệ T, sinh năm 1943; nơi cư trú: Số D L, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, *(vắng mặt).*

4. Ông Phạm Công T1, sinh năm 1978; trú tại: Số H N, Phường C, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, *(vắng mặt).*

5. Bà Nguyễn Thị Hồng L, sinh năm 1975; nơi cư trú: Số B K, Phường I, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: Số A Ấp E, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, *(vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 17/3/1995, tại quán bia số E đường V, Phường C, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, Vũ Ngọc T2 có cãi nhau với Nguyễn Quốc D, T2 đánh D thì D bỏ chạy. T2 đến quán số 81 đường V uống bia tiếp, còn D đến nhà T3 (không rõ lai lịch) trên đường V gặp Lê Văn B và Nguyễn Thanh P đang ngồi uống rượu. Tại đây, D nói cho B và P nghe về việc D bị T2 đánh, nên P về nhà lấy 01 con dao, B mang theo 01 con dao cùng D đi đánh T2. Trên đường đi, B, D, P gặp Nguyễn Quốc H1, Nguyễn Ái Q1 rủ cùng đến quán số H đường V để đánh T2. Khi đến nơi thấy cửa quán đóng, D cùng B, P, H1, Quốc xô cửa, thấy vậy T2 bỏ chạy ra phía sau quán. Một lúc sau, T2 lấy cây cừ tràm (ở quán S1) đánh 01 cái trúng vào hông trái của H1, còn P xông vào dùng dao Thái Lan đâm 01 nhát vào người T2. Sau đó, P rút dao ra mất đà té xuống đất và làm gãy cán dao Thái Lan, P vứt cán, lưỡi dao lại hiện trường và bỏ chạy. T2 bị đâm bỏ chạy được một đoạn thì bị Lê Văn B dùng dao đâm nhiều nhát vào người. Sau sự việc tất cả bỏ trốn, T2 được đưa đi cấp cứu nhưng do vết thương quá nặng nên đến 21 giờ 55 phút cùng ngày thì chết. Sau khi gây án, D nhờ Nguyễn Quốc D1 chở D đi trốn.

Tại bản giám định pháp y số 157/95/GĐPY ngày 27/5/1995 của Phòng K - Công an Thành phố H kết luận: "Vũ Ngọc T2 chết do bị đâm thủng phổi trái, thủng phổi phải và gan, gây choáng mất máu."

Tại Công văn số 40/CV-PY-97 ngày 11/6/1997 của Tổ chức giám định pháp y Thành phố H giám định loại hung khí tác động vào thân thể Vũ Ngọc T2 kết luận: Có 02 vật sắc, bén và 01 vật rắn có cạnh gây nên vết thương cho anh T2.

Ngày 30/3/1995, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự "Giết người" và "Che giấu tội phạm" theo Bộ

luật Hình sự năm 1985, ra Quyết định khởi tố bị can đối với Nguyễn Thanh P, Nguyễn Quốc D, Nguyễn Quốc H1, Nguyễn Ái Q1 và Lê Văn B về tội "Giết người", Nguyễn Quốc D1 về tội "Che giấu tội phạm" và Quyết định truy nã đối với Lê Văn B, Nguyễn Quốc D, Nguyễn Ái Q1.

Ngày 28/3/1998, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã đưa vụ án ra xét xử và tuyên phạt: Nguyễn Thanh P tù chung thân về tội "Giết người", Nguyễn Quốc D 04 năm tù, Nguyễn Quốc H1 10 tháng tù và Nguyễn Ái Q1 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo cùng về tội "Gây rối trật tự công cộng".

Ngày 31/8/1998, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh sửa bản án sơ thẩm, tuyên xử: Nguyễn Thanh P 18 năm tù về tội "Giết người" và y án với Nguyễn Quốc D 04 năm tù, Nguyễn Quốc H1 10 tháng tù và Nguyễn Ái Q1 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo cùng về tội "Gây rối trật tự công cộng".

Vật chứng thu giữ và trách nhiệm dân sự: đã được giải quyết tại Bản án số 507/HSST ngày 28/3/1998 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 08/7/2020, Công an quận B bắt giữ Lê Văn B theo Quyết định truy nã.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H, Lê Văn B khai: Bá không dùng dao đâm T2 mà chỉ đi cùng D đến gặp T2 mục đích nói chuyện và dàn xếp giải hòa, khi đi không đem theo hung khí gì và không tham gia đánh T2. Lời khai của Lê Văn B không phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ.

Người làm chứng ông Phạm Công T1 trình bày: Vào buổi tối ngày xảy ra vụ án là ngày 17/3/1995, ông là người cùng với bị hại T2 ở trong quán nhậu số H V, có nghe tiếng la hét, đập cửa. Sau đó anh T2 cầm cây tràm chạy ra thì ông giật lại nhưng không được. Do thấy có nhiều người ngoài cửa nhà đe dọa nên ông bỏ chạy ra đường hẻm bằng cửa sau. Ông không chứng kiến việc các bên gây lộn, cũng không nhìn thấy ai đâm anh T2.

Tại Cáo trạng số: 71/CT-VKS-P2 ngày 28/01/2021, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Lê Văn B về tội "Giết người" theo điểm g khoản 1 Điều 101Bộ luật Hình sự năm 1985.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 353/2023/HS-ST ngày 26/7/2023, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ điểm g khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 1985; khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt Lê Văn B 19 (mười chín) năm tù về tội "Giết người". Thời hạn tù tính từ ngày 08/7/2020.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 27/7/2023, bị cáo Lê Văn B có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xem xét lại vụ án và giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo B.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Lê Văn B vẫn giữ kháng cáo đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xem xét lại vụ án và giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

+ Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát:

Cấp sơ thẩm đã truy tố và xét xử bị cáo Lê Văn B phạm tội "Giết người" thuộc trường hợp có tính chất côn đồ và tái phạm nguy hiểm theo điểm g khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 1985 là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo B 19 năm tù với nhận định là hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo, một phần là do trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử vụ án, bị cáo B không thừa nhận đã dùng dao đâm bị hại Vũ Ngọc T2, mà chỉ thừa nhận đi cùng D đến gặp bị hại với mục đích nói chuyện và dàn xếp giải hòa, khi đi không đem theo hung khí gì và không tham gia đánh bị hại. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo B đã thành khẩn khai báo, thừa nhận hành vi phạm tội đúng như cấp sơ thẩm đã quy kết và tỏ rõ sự ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của bị cáo. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, cần được áp dụng thêm cho bị cáo B và giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Chính vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo B, sửa bản án sơ thẩm theo hướng áp dụng thêm điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và giảm nhẹ một hình phạt cho bị cáo theo quy định.

Luật sư Biện Ngọc Q bào chữa cho bị cáo Lê Văn B trình bày:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo B đã thành khẩn khai báo, thừa nhận hành vi phạm tội đúng như cấp sơ thẩm đã điều tra, truy tố và xét xử, bị cáo B cũng đã tỏ rõ sự ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình và xin được giảm nhẹ một phần hình phạt. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, bị cáo B chưa được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng khi lượng hình. Luật sư đồng ý với quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm, chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo B, sửa bản án sơ thẩm theo hướng áp dụng thêm điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, tạo điều kiện cho bị cáo cải tạo tốt sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Đơn kháng cáo của bị cáo Lê Văn B nộp trong thời hạn và đúng thủ tục theo quy định của pháp luật nên hợp lệ, được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ của vụ án đã được thẩm tra xem xét và tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét nội dung yêu cầu kháng cáo của bị cáo Lê Văn B như sau:

[1] Về hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm.

Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án ở giai đoạn sơ thẩm, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do vậy, các hành vi, các quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp. Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo B đã được Luật sư bào chữa theo đúng quy định pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội và tội danh của bị cáo Lê Văn B;

[2.1] Ngày 30/3/1995, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự "Giết người" và "Che giấu tội phạm" theo Bộ luật Hình sự năm 1985, đồng thời ra Quyết định khởi tố bị can đối với Nguyễn Thanh P, Nguyễn Quốc D, Nguyễn Quốc H1, Nguyễn Ái Q1 và Lê Văn B về tội *"Giết người"*, Nguyễn Quốc D1 về tội *"Che giấu tội phạm"* và Quyết định truy nã đối với Lê Văn B, Nguyễn Quốc D, Nguyễn Ái Q1. Vụ án này xảy ra vào buổi tối ngày 17/3/1995 tại quán số H đường V, Phường C, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Bị hại là ông Vũ Ngọc T2, sinh năm 1972 *(đã chết trong vụ án)*.

[2.2] Đến ngày 28/3/1998, bị cáo Lê Văn B vẫn trốn chưa bắt được theo Quyết định truy nã, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đưa vụ án ra xét xử và tại Bản án hình sự sơ thẩm 507/HSST ngày 28/3/1998, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên phạt đối với các bị cáo: Nguyễn Thanh P tù chung thân về tội *"Giết người"*, Nguyễn Quốc D 04 năm tù, Nguyễn Quốc H1 10 tháng tù và Nguyễn Ái Q1 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo cùng về tội *"Gây rối trật tự công cộng"*. Bị cáo Nguyễn Thanh P có đơn kháng cáo và tại Bản án hình sự phúc thẩm số 1497/HSPT ngày 31/8/1998, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân nhân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử sửa bản án sơ thẩm, tuyên xử: Nguyễn Thanh P 18 năm tù về tội *"Giết người"*.

[2.3] Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử các bị cáo Nguyễn Thanh P, Nguyễn Quốc D, Nguyễn Quốc H1 và Nguyễn Ái Q1 theo Bản án hình sự sơ thẩm 507/HSST ngày 28/3/1998 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Bản án hình sự phúc thẩm số 1497/HSPT ngày 31/8/1998 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân nhân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã xác định: Trong vụ án có 02 loại dao (hung khí), P dùng dao Thái Lan đâm bị hại thì con dao còn lại là dao của bị cáo B sử dụng. Các bị cáo Nguyễn Quốc D, Nguyễn Quốc H1 và Nguyễn Ái Q1 đã bị xử về tội *"Gây rối trật tự công cộng"*, các bị cáo này không dùng hung khí đâm bị hại nên chỉ có bị cáo P và B dùng dao đâm bị hại. Do đó loại trừ ngoài P và B thì không có ai cầm dao đâm bị hại. Việc này phù hợp với kết quả giám định pháp y đã kết luận: *"Có 02 vật sắc, bén và 01 vật rắn*

có cạnh gây nên vết thương cho anh T2". Thêm nữa, tại Biên bản hỏi cung ngày 03/5/1995 đối với Nguyễn Thanh P đã khai *"...Tôi thấy mọi người chạy hỗn loạn. Sau đó chúng tôi đi về thì có 4,5 người xách cây tràm cỡ 1,4-1,5m. Cùng lúc đó có ai đó la lên "Trời ơi nó chém tao" thì tôi thấy đám thanh niên cầm cây bỏ chạy. Tôi liền lao theo ôm sau lưng người chạy sau cùng và đâm 1 nhát vào bụng anh ta. Tôi chỉ nhớ anh ta ở trần mặc quần dài, là người cầm cây chàm dài lúc đầu. Sau khi tôi đâm thì anh ta vùng chạy thì B dùng dao lê đâm 3 nhát vào anh ta. Tôi biết B đâm dao lê vì lúc về B đưa tôi xem dao có dính máu..."*.

[2.4] Đến ngày 08/7/2020, Công an quận B bắt giữ Lê Văn B theo Quyết định truy nã số 698-50 về tội "Giết người". Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, B không thừa nhận dùng dao đâm T2, mà chỉ thừa nhận đi cùng D đến gặp T2 với mục đích nói chuyện và dàn xếp giải hòa, khi đi không đem theo hung khí gì và không tham gia đánh T2.

[2.4a] Tuy nhiên, căn cứ vào lời khai của các bị cáo lưu trong hồ sơ vụ án, bản kết luận giám định pháp y và các bản án xét xử đối với các bị cáo P, D, H1, Q1 đã có hiệu lực pháp luật cùng với các chứng cứ khác của vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định: Vụ án *"Giết người"* và *"Gây rối trật tự công cộng"* xảy ra ngày 17/3/1995 tại trước số nhà H V, Phường C, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh do mâu thuẫn giữa anh Vũ Ngọc T2 và Nguyễn Quốc D. Sau đó, D cùng Lê Văn B, Nguyễn Thanh P, Nguyễn Quốc H1, Nguyễn Ái Q1 đi tìm anh T2 để đánh nhau dẫn đến P và B dùng dao đâm anh Vũ Ngọc T2, làm anh T2 chết do bị đâm thủng phổi trái, thủng phổi phải và gan, gây choáng mất máu (Theo bản giám định pháp y số 157/95/GĐPY ngày 27/5/1995 của Phòng K - Công an Thành phố H).

[2.4b] Trong vụ án này, giữa bị cáo B và bị hại T2 không có mâu thuẫn gì nhưng bị cáo đã dùng dao đâm bị hại, hành vi này thể hiện ý thức coi thường pháp luật, coi thường tính mạng con người là mang tính chất côn đồ. Thêm nữa, bị cáo B đã bị phạt tù về tội phạm rất nghiêm trọng, sau đó bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội đặc biệt nghiêm trọng do cố ý trong thời gian chưa được xóa án tích là thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Ngoài ra, bị hại T2 không có mâu thuẫn gì nhưng bị cáo đã dùng dao đâm bị hại, hành vi này thể hiện ý thức coi thường pháp luật, coi thường tính mạng con người là mang tính chất côn đồ.

[2.5] Với hành vi như trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết bị cáo Lê Văn B phạm tội *"Giết người"* thuộc trường hợp có tính chất côn đồ và tái phạm nguy hiểm theo điểm g khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 1985 là phù hợp với các chứng cứ vụ án, có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan cho bị cáo.

[3] Về hình phạt đối với bị cáo Lê Văn B;

[3.1] Xét hành vi phạm tội của của bị cáo B là đặc biệt nghiêm trọng, đã xâm hại đến tính mạng của bị hại. Hành vi của bị cáo thể hiện tính côn đồ, xem thường pháp luật, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân và gây nguy hại đặc biệt lớn cho xã

hội. Sau khi xảy ra vụ án bị cáo B đã bỏ trốn khỏi địa phương đến Bình Phước sinh sống, đổi tên gọi là S, không đăng ký kết hôn với bà Ngô Thị M, không đăng ký cư trú với chính quyền tại Bình Phước nhằm mục đích che giấu tung tích, trốn tránh pháp luật trong thời gian từ ngày 17/3/1995 đến ngày 09/7/2020. Những hành vi này của bị cáo B đã cản trở và gây khó khăn cho việc điều tra giải quyết vụ án. Trong khi đó, về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Tòa án cấp sơ thẩm xác định, do nguyên nhân xảy ra vụ án cũng có một phần xuất phát từ phía bị hại T2 đã đánh D, sau đó T2 cầm cây tràm đánh H1 là người cùng phía bị cáo B; bị cáo có trình độ học vấn thấp, phạm tội mang tính đồng phạm nên chỉ áp dụng khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo Lê Văn B 19 (mười chín) năm tù.

[3.2] Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo B đã thành khẩn khai báo, thừa nhận hành vi phạm tội đúng như bản án sơ thẩm đã quy kết và tỏ rõ sự ăn năn hối cải; đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng thêm cho bị cáo B các tình tiết này để giảm nhẹ thêm một phần hình phạt cho bị cáo B để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật đối với những người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nhưng mức hình phạt phải đủ để đảm bảo giáo dục, cải tạo riêng và răn đe, phòng ngừa chung.

[4] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm, chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Lê Văn B, sửa bản án sơ thẩm theo hướng giảm một phần hình phạt cho bị cáo B.

[5] Những ý kiến, quan điểm đề nghị của Luật sư bào chữa cho bị cáo Lê Văn B tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử phúc thẩm nên được chấp nhận.

[6] Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Lê Văn B, theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, không phải nộp.

[7] Các quyết định khác của án bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

1- Chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Lê Văn B; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 353/2023/HS-ST ngày 27/7/2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

Căn cứ điểm g khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 1985; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt Lê Văn B 17 (mười bảy) năm tù về tội "Giết người". Thời hạn tù tính từ ngày 08/7/2020.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Lê Văn B trong thời hạn 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để bảo đảm việc thi hành án theo quy định tại khoản 3 Điều 347 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

2- Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Lê Văn B không phải nộp.

3- Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật theo quy định pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án là ngày 21 tháng 3 năm 2024./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Công an Thành phố Hồ Chí Minh;
- Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh;
- Trại tạm giam Công an Thành phố Hồ Chí Minh (để tống đạt cho bị cáo);
- Lưu (Án - Trúc).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Đình Thanh